TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 18-04-2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1966 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày yêu cầu:

Bà M có tham gia hụi do bà T làm chủ, loại hụi bỏ thăm cao được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng, cụ thể: Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày

30/01/2022 âm lịch, gồm 30 chưng, hụi một tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, bà M tham gia 01 chưng, nuôi sống, hụi đóng được 16 kỳ thì bà T đình hụi.

Bà M yêu cầu bà T hoàn trả 16 kỳ hụi đóng vào với số tiền là 16.000.000 đồng.

Về lãi suất: Không yêu cầu.

Bị đơn bà Lê Thị T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn quy định mà bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với vụ việc. Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị; Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 16.000.000 đồng; Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn xác định, giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch dân sự, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự; Nguyên đơn cam đoan chỉ gửi đơn khởi kiện tại Tòa án không có gửi đơn đến cơ quan nào khác. Do đó Tòa án thụ lý theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T có trách nhiệm thanh toán tiền hụi do bà T làm chủ, do bà M chỉ yêu cầu bà T nên Tòa án không đưa chồng bà T tham gia với tư cách liên quan là phù hợp.

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn bà Lê Thị T; trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Lê Thị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà M khởi kiện bà T yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi, quan hệ pháp luật tranh chấp: "Tranh chấp tiền hụi".

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Bà M khởi kiện cho rằng bà T nợ tiền hụi do bà T làm chủ, việc đình hụi không hoàn trả lại tiền hụi đóng vào làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà M nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà M.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền hụi thấy rằng:

- Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, phía bị đơn bà T không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp danh sách hụi, Tòa án xác minh những người tham gia dây hụi 1.000.000 đồng do bà T làm chủ thể hiện bà M tham gia 01 chưng hụi, trong danh sách hụi tên "Chế M" số thứ tự 17 là của bà M (bút lục số 02, 34, 35, 36). Từ những chứng cứ trên có cơ sở xác định bà M có tham gia hụi do bà T làm chủ; tính từ ngày khui hụi đầu tiên đến ngày bà T đình hụi đi khỏi địa phương trùng khớp với số chưng hụi do phía nguyên đơn yêu cầu nên buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 16 kỳ hụi x 1.000.000 đồng/kỳ = 16.000.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Chậm trả còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án trên tổng số tiền phải thi hành.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 16.000.000 đồng x 5% = 800.000 đồng.

Bà T không phải chịu án phí, có nộp được hoàn lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được được chấp toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M, về việc khởi kiện bà Lê Thị Tuyết đòi tiền nợ hụi.

Buộc bà Lê Thị T thanh toán số tiền hụi cho bà Lê Thị M 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp bà T, chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu án phí có giá ngạch 5% là 800.000 đồng.

Bà M không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0015877 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính